

Số: 0829/2024/CV-ADG
V/v giải trình BCTC hợp nhất giữa niên
độ đã được soát xét kỳ 6 tháng năm 2024

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (sau đây gọi tắt là "Công Ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Công Ty xin giải trình các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính (sau đây gọi tắt là "BCTC") hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.984.351.042	8.732.212.348	-1.252.138.694	-13%
Giá vốn hàng bán	169.396.700.105	171.026.825.819	1.630.125.714	1%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	13.439.518.295	11.869.014.678	-1.570.503.617	-12%

Nguyên nhân chính dẫn đến việc có sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau soát xét đến từ việc điều chỉnh giá vốn hàng bán. Cụ thể:

- Công ty cổ phần Review Thông minh đã tiến hành điều chỉnh lại giá vốn phát sinh trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2024. Công ty đã bổ sung thêm phần giá vốn hàng bán bị kê khai thiếu là 1.664.129.714 VNĐ. Do đó, giá vốn hàng bán sau khi hợp nhất BCTC cũng được điều chỉnh tăng tương ứng (tăng 1.630.125.714 VNĐ).

- Việc tăng giá vốn hàng bán làm cho lợi nhuận hợp nhất trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm giá trị tương ứng.

- Bên cạnh đó, sau khi rà soát, Công Ty đã thực hiện một số bút toán điều chỉnh đối với doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Giá trị các khoản điều chỉnh không lớn, nhưng vẫn ảnh hưởng đến khoản chênh lệch lợi nhuận sau thuế sau soát xét của Công Ty.

2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023	Tỷ lệ thay đổi
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	202.477.107.797	180.921.406.669	12%

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.732.212.348	6.017.844.454	45%

Trong 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận sự tăng trưởng 12% của toàn Công Ty. Cụ thể:

- Doanh thu trong Quý 1/2024 được giữ ở mức ổn định và không có sự thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, ở Quý 2/2024, hoạt động kinh doanh ghi nhận sự tăng trưởng rõ rệt khi tăng 29% so với Quý trước, và 15,4% so với Quý 2/2023. Do đó, tổng kết hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2024 tương đối khả quan.

- Các khoản chi phí và giá vốn phát sinh trong kỳ cũng được tối ưu hóa hiệu quả. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi vay giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Những yếu tố trên đã trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của toàn Công Ty, làm tăng lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Chi tiết các chỉ tiêu được trình bày cụ thể trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét phát hành cùng ngày.

3. Về vấn đề cần nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán – Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc

Nội dung nhấn mạnh: “*Không nhằm phủ định kết luận của kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án nêu trên mới xét xử xong giai đoạn một và đang trong quá trình điều tra để xét xử theo giai đoạn hai liên quan đến các trái phiếu doanh nghiệp.*

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.”

Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được phát hành cho mục đích đầu tư, phát triển Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát, tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm của lô trái phiếu là Động Sản và Bất Động Sản liên quan tới và/hoặc phát sinh từ Khu đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 015123 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ngày 09/8/2022, Công Ty đã mua 500.000 trái phiếu theo mệnh giá là 100.000 đồng/Trái phiếu với tổng giá trị giao dịch là 50.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, tài sản bảo đảm hiện đang được cơ quan chức năng phong tỏa để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Do đó, Công Ty chưa nhận được tiền lãi trái phiếu theo đúng kỳ hạn cam kết.

Trên đây là nội dung giải trình của Công Ty về BCTC hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2024. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Khánh Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103036173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Trần Đông Âu	Thành viên
Ông Lee SangSeok	Thành viên
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 08/07/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 07/2024/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào các công ty với các nội dung sau: Góp vốn vào Công ty cổ phần Adela Building với tổng số vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng và sở hữu 12% vốn điều lệ tại công ty nêu trên; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Địa ốc Thông minh với số vốn góp là 28.000.000.000 đồng và sở hữu 65,041% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khánh Trình

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Số: 50/2024/BCSX- CPAMB1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group được lập ngày 29/08/2024, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định kết luận của kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án nêu trên mới xét xử xong giai đoạn một và đang trong quá trình điều tra để xét xử theo giai đoạn hai liên quan đến các trái phiếu doanh nghiệp.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Nguyễn Thị Thu Hà

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.384.514.565	264.500.307.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.067.892.701	32.498.173.579
1. Tiền	111		35.067.892.701	32.498.173.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	187.291.061.465	158.790.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		187.291.061.465	158.790.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.731.446.794	70.087.089.711
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	49.122.747.110	59.225.394.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	775.351.677	1.164.535.804
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.500.000.000	2.451.793.496
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	6.611.931.722	7.602.995.777
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(278.583.715)	(357.629.671)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	12.449.597.375	2.009.453.522
1. Hàng tồn kho	141		12.449.597.375	2.009.453.522
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		844.516.230	1.115.590.912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	418.195.408	518.254.896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		165.516.771	60.421.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	260.804.051	536.914.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.521.208.900	185.393.833.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.297.712.528	5.299.769.291
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.297.712.528	5.299.769.291
II. Tài sản cố định	220		9.858.069.671	8.389.283.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	6.584.742.123	4.832.173.610
- Nguyên giá	222		16.803.349.001	14.339.493.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.218.606.878)	(9.507.319.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.273.327.548	3.557.109.500
- Nguyên giá	228		4.780.511.265	4.780.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.507.183.717)	(1.223.401.765)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	64.821.639.820	43.883.603.675
- Nguyên giá	231		64.821.639.820	43.883.603.675
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	-	40.216.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	40.216.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	77.154.304.258	127.563.137.090
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.899.490.624	11.684.761.645
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		65.254.813.634	115.878.375.445
VI. Tài sản dài hạn khác	260		389.482.623	217.824.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	389.482.623	217.824.660
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		451.905.723.464	449.894.141.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.646.246.539	103.725.123.616
I. Nợ ngắn hạn	310		95.289.332.025	100.784.993.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	26.342.477.762	25.057.268.854
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	14.478.352.035	7.829.333.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	7.211.573.704	13.187.456.591
4. Phải trả người lao động	314		2.366.199.463	2.617.041.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	3.105.314.668	4.862.068.389
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	952.403.833	923.578.375
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	40.833.010.560	46.308.246.378
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.356.914.514	2.940.129.836
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	3.356.914.514	2.940.129.836
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.259.476.926	346.169.017.935
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	353.259.476.926	346.169.017.935
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.386.857.069)	(423.062.122)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112.408.362.414	105.015.639.912
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.982.886.170	84.936.384.268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.425.476.244	20.079.255.644
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.397.821.581	27.736.290.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		451.905.723.464	449.894.141.551

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



NGUYỄN THỊ NGA

Người lập



NGUYỄN THỊ NGA

Kế toán trưởng




ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202.477.107.797	180.921.406.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		202.477.107.797	180.921.406.669
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	171.026.825.819	151.495.409.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.450.281.978	29.425.997.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.291.334.773	9.435.948.261
7. Chi phí tài chính	22	6.4	936.623.246	1.428.767.465
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		690.219.015	1.065.409.547
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		247.482.719	(86.687.437)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	14.629.616.556	12.221.352.435
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.549.069.129	15.798.238.626
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.873.790.539	9.326.899.438
12. Thu nhập khác	31	6.7	89.222.907	44.604.016
13. Chi phí khác	32	6.7	1.093.998.768	664.609.234
14. Lợi nhuận khác	40		(1.004.775.861)	(620.005.218)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.869.014.678	8.706.894.220
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.720.017.653	2.702.100.943
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	416.784.677	(13.051.177)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.732.212.348	6.017.844.454
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.425.476.244	5.257.815.278
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		1.306.736.104	760.029.176
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	347	246
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		347	245

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng



ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Theo phương pháp gián tiếp*


Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.869.014.678	8.706.894.220
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.013.506.337	1.105.133.676
- Các khoản dự phòng	03	(79.045.956)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30.539.388	(17.543.165)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.292.418.361)	(9.335.543.117)
- Chi phí lãi vay	06	690.219.015	1.065.409.547
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	4.231.815.101	1.524.351.161
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.798.977.001	66.658.936.053
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.440.143.853)	(3.104.762.313)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	674.549.724	(20.001.160.871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	87.401.131	(368.543.612)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(672.010.746)	(1.030.136.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.596.124.327)	(8.360.699.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	84.464.030	35.317.984.748
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(33.362.046.890)	(29.833.918.410)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.050.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(127.485.000.000)	(119.688.570.152)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	149.107.500.000	66.287.743.889
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	524.500.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.236.598.180	8.699.283.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.547.051.290	(74.010.961.385)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	117.137.948.879	116.913.183.955
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(122.613.184.697)	(89.143.734.149)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(645.204.668)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.120.440.486)	27.769.449.806
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	2.511.074.835	(10.923.526.831)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.498.173.579	34.814.577.683
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	58.644.286	52.490.175
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.067.892.701	23.943.541.026

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024


 NGUYỄN THỊ NGÀ
 Người lập


 NGUYỄN THỊ NGÀ
 Kế toán trưởng




 ĐÔN NỮ ĐỨC HIỀN
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103036173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/06/2024 là 254 người; cán bộ quản lý là 10 người (Tại ngày 31/12/2023, tổng số cán bộ nhân viên là 284 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con		(%)	(%)	
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech (i)	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X (i)	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8. Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10. Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công nghệ thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11. Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
Công ty liên kết				
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4. Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5. Công ty CP TECHCEN (ii)	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam, Công ty CP Trực tuyến Clever X và Công ty CP công nghệ quảng cáo ADTECH đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Công ty CP TECHCEN đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội vào ngày 13/05/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/06/2024 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Tòa nhà Orchard Garden, số 128 đường Hồng Hà, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ tài chính 06 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2024. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi

Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty PT CLEVER ADS và Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES được lập bằng Rupiah Indonesia (IDR) và đồng Peso Philippine (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.



9
T
I
R

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10197
CÔNG TY
CỔ PHẦN
Clever Group
VIỆT NAM
TIỀN BÃ
HÀ NỘIT
Y
N
O
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Máy móc, thiết bị	04 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và bản quyền, bằng sáng chế được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm và giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet; chi phí thuê dịch vụ máy chủ; chữ ký số và cước đường bộ được phân bổ trong thời gian 06 tháng và 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay chi phí thuê văn phòng và chi phí khác phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo, chuyển nhượng bất động sản đầu tư và bán hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp; giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư và giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo là chủ yếu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	15.604.444.881	8.893.043.906
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.463.447.820	23.605.129.673
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	35.067.892.701	32.498.173.579

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	187.291.061.465	187.291.061.465	158.790.000.000	158.790.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	138.605.000.000	138.605.000.000	152.490.000.000	152.490.000.000
- Trái phiếu (i)	48.686.061.465	48.686.061.465	6.300.000.000	6.300.000.000
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	42.405.161.465	42.405.161.465	-	-
<i>Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (5)</i>	6.280.900.000	6.280.900.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Dài hạn	65.254.813.634	65.254.813.634	115.878.375.445	115.878.375.445
- Trái phiếu	65.254.813.634	65.254.813.634	115.878.375.445	115.878.375.445
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	9.964.108.000	9.964.108.000	60.337.669.811	60.337.669.811
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (3)</i>	4.737.301.000	4.737.301.000	4.987.301.000	4.987.301.000
<i>Công ty CP thương mại công nghệ An Phát (4)</i>	553.404.634	553.404.634	553.404.634	553.404.634
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Tổng	252.545.875.099	252.545.875.099	274.668.375.445	274.668.375.445

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITECO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo thỏa thuận ngày 05/02/2024 giữa Saigon Glory và các trái chủ, các lô trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.03 có ngày đáo hạn là tháng 6/2023 sẽ gia hạn đến tháng 06/2025, lô trái phiếu SGL-2020.04 và SGL-2020.05 có ngày đáo hạn là tháng 7/2023 sẽ gia hạn đến tháng 07/2025; 05 lô trái phiếu còn lại từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.10 có ngày đáo hạn là tháng 8/2025 sẽ gia hạn đến tháng 11/2026. Trong thời gian gia hạn, các lô trái phiếu áp dụng lãi suất 8%/năm; kỳ hạn tính lãi đổi thành 12 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m² đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITECO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(4): Trái phiếu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát có kỳ hạn 08 năm, ngày phát hành 30/12/2020, ngày đáo hạn 30/12/2028; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11%/năm. Tài sản đảm bảo là số cổ phần của ông Nguyễn Mạnh Hà (388.500 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ) tại Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát; toàn bộ quyền và lợi ích theo các hợp đồng cho thuê văn phòng và các dịch vụ quản lý cho thuê văn phòng liên quan đến công trình "Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu" (Tòa nhà An Phát); giấy chứng nhận quyền sở hữu 700m² đất và tài sản hình thành trên đất là Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Trái phiếu của Công ty CP Hưng Thịnh Land có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 31/08/2020, ngày đáo hạn 31/08/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,374%/năm. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 004) là quyền sử dụng 75.482,4 m² đất tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thời hạn sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28/06/2005 của Công ty TNHH du lịch Minh Tuấn Sông Ray; 25.758.400 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh và 4.241.600 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của ông Lê Ngọc Triều; 76.000.000 cổ phần của bà Cao Thị Tuyết, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP du lịch Minh Tuấn Sông Ray (chiếm 100% vốn điều lệ); các quyền tài sản phát sinh tương lai từ hoặc liên quan đến "Dự án Hồ Tràm Complex" tại xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Công ty TNHH Du lịch Minh Tuấn Sông Ray là chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 007) là 40.000 cổ phần của ông Lê Ngọc Triều tại Công ty CP Hưng Thịnh Land và 18.000.000 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh; 49.500.000 cổ phần của ông Khuất Tùng Phong, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa (chiếm 100% vốn điều lệ); quyền sử dụng thửa đất số 342, 347, 346, 343, 344 và 345 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tất cả các quyền tài sản (không bao gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở) phát sinh từ hoặc liên quan đến dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa làm chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu HTL-H2023-007 ngày 27/11/2023, trái phiếu HTL-H2023-007 có ngày đáo hạn là 31/08/2023 sẽ gia hạn đến 30/11/2024; trong thời gian gia hạn, kỳ hạn tính lãi đổi thành 01 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn. Đối với lô trái phiếu HTK-H2023-004 do Công ty CP Hưng Thịnh Land chưa hoàn tất việc mua lại trước hạn toàn bộ lô trái phiếu theo yêu cầu của Đại diện người sở hữu trái phiếu, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định đã có công văn số 2142/TB-VCBTDN ngày 10/10/2023 thông báo nội dung cuộc họp liên quan đến xử lý tài sản đảm bảo là bất động sản Hồ Tràm Complex, tài sản thế chấp của Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Minh Tuấn Sông Ray và tiến trình thực hiện các bước xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho các trái chủ.

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30/06/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	DP	GTHL	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh	1.472.341.691	-	-	-	1.473.885.018	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2.095.618.085	-	-	-	2.095.618.085	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3.225.953.600	-	-	-	3.262.930.468	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4.688.939.779	-	-	-	4.435.690.605	-
Công ty cổ phần TECHCEN	416.637.469	-	-	-	416.637.469	-
Tổng	11.899.490.624	-	-	-	11.684.761.645	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư y tế Quốc tế	486.000.000	1.320.000.000
Công ty TNHH Giải trí viễn đông	50	1.323.021.166
Công ty CP Đầu tư VAM	634.744.603	1.061.291.218
Tổng công ty hàng không Việt Nam	6.297.424.110	7.986.987.180
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	4.231.869.649
Công ty TNHH AEONMALL Long Biên	-	932.201.838
Công ty cổ phần TIKI	-	3.637.513.934
Công ty TNHH Nha khoa Kim	-	1.879.818.221
Công ty TNHH PP THACO AUTO	-	708.300.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.018.004.092	-
Công ty CP Pico Retail	725.487.841	-
Trường cao đẳng Dược Hà Nội	707.653.600	-
Công ty TNHH Wine Việt Nam	-	1.030.938.400
Công ty CP Hàng tiêu dùng MASSAN	464.943.170	1.301.517.140
Các khách hàng khác	30.556.619.995	33.811.935.559
Tổng	49.122.747.110	59.225.394.305

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên LQ (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	73.756.069	1.181.151.932
---	-------------------	----------------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty CP Kiến trúc XD 88 Việt Nam	-	600.000.000
Công ty TNHH Kiến trúc XD Mộc Xanh	253.671.264	197.299.872
Công ty CP Quản lý và khai thác tòa nhà VNPT	-	72.000.000
Công ty TNHH Giải Trí số IM Việt Nam	121.000.000	121.000.000
Công ty CP Giải pháp truyền thông số Lionise Media	80.287.200	-
Các nhà cung cấp khác	320.393.213	174.235.932
Tổng	775.351.677	1.164.535.804

5.5 Phải thu về cho vay

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	2.500.000.000	2.451.793.496
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM (i)	-	1.500.000.000
Ông Thái Thanh Long	-	451.793.496
Ông Tạ Văn Tiến	2.000.000.000	-
Tổng	2.500.000.000	2.451.793.496

(i): Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo; khoản vay có thời hạn từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 5%/năm đến 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.6 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	6.611.931.722	7.602.995.777
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	2.406.882.066	3.005.459.195
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.207.401.904	3.482.369.232
- Lãi dự thu trái phiếu	-	-
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	249.729.590	220.453.698
- Phải thu tạm ứng	-	-
- Phải thu khác	1.747.918.162	894.713.652
+ Tiền đặt cọc mua lô đất Đà Nẵng	1.000.000.000	-
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	743.023.107	891.058.200
+ Phải thu khác	4.895.055	3.655.452
Dài hạn	5.297.712.528	5.299.769.291
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	5.010.000.000	5.010.000.000
- Phải thu dài hạn khác	287.712.528	289.769.291
Cộng	11.909.644.250	12.902.765.068

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/06/2024 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
 - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và tại Indonesia với số tiền là 729.529.516 đồng.
 - Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 677.352.550 đồng.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phân ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2024 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm, kỳ hạn 10 năm.

5.7 Nợ xấu

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	37.433.932	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	-	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
Tổng	278.583.715	-	357.629.671	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	11.865.451.630	-	2.009.453.522	-
Hàng hoá	584.145.745	-	-	-
Cộng	12.449.597.375	-	2.009.453.522	-

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Ngắn hạn	418.195.408		518.254.896
- Chi phí thuê văn phòng	40.454.333		40.454.333	
- Thuê chỗ đặt máy chủ	7.200.000		-	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	360.248.440		477.800.563	
- Chi phí trả trước khác	10.292.635		-	
Dài hạn	389.482.623		217.824.660	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	320.288.952		188.481.834	
- Cước internet, thuê chỗ đặt máy chủ	14.760.000		-	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	54.433.671		29.342.826	
Cộng	807.678.031		736.079.556	

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	40.216.000
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	40.216.000
Tổng	-	40.216.000

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
Mua trong kỳ	2.463.856.000	-	-	2.463.856.000
Tại ngày 30/06/2024	16.277.053.727	336.593.455	189.701.819	16.803.349.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	8.981.024.117	336.593.455	189.701.819	9.507.319.391
Khấu hao trong kỳ	711.287.487	-	-	711.287.487
Tại ngày 30/06/2024	9.692.311.604	336.593.455	189.701.819	10.218.606.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	4.832.173.610	-	-	4.832.173.610
Tại ngày 30/06/2024	6.584.742.123	-	-	6.584.742.123

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2024 là 7.066.917.909 VND (ngày 31/12/2023: 7.066.917.909 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	1.095.127.824	128.273.941	-	1.223.401.765
Khấu hao trong kỳ	273.781.956	9.999.996	-	283.781.952
Tại ngày 30/06/2024	1.368.909.780	138.273.937	-	1.507.183.717
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	3.285.383.441	271.726.059	-	3.557.109.500
Tại ngày 30/06/2024	3.011.601.485	261.726.063	-	3.273.327.548

5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	43.883.603.675	30.933.784.850	(9.995.748.705)	64.821.639.820
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	30.933.784.850	(9.995.748.705)	64.821.639.820
TÔN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	43.883.603.675	30.933.784.850	(9.995.748.705)	64.821.639.820
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	30.933.784.850	(9.995.748.705)	64.821.639.820

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sàn văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; biệt thự B8 - 12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội; biệt thự số C 727 Dự án công viên Đại dương Hạ Long tại TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; căn hộ A307 và B411 chung cư Moon light I, khu đô thị mới An Lạc Green Symphony tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội và căn hộ chung cư số 24.03, khối C, khu nhà ở cao tầng phường Phú Hữu, quận 9, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	-	-	46.991.730	46.991.730
Meta Platforms Ireland Limited	15.219.604.064	15.219.604.064	14.350.590.907	14.350.590.907
Google Ireland Ltd	3.604.620.204	3.604.620.204	5.536.731.325	5.536.731.325
TIKTOK PTE. Ltd	1.520.496.697	1.520.496.697	-	-
REVV CORPORATION INC	120.710.962	120.710.962	91.307.845	91.307.845
Công ty CP MARUP	24.000.000	24.000.000	473.440.000	473.440.000
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	-	-	35.478.000	35.478.000
Công ty cổ phần Forza	-	-	427.377.864	427.377.864
Công ty TNHH THE 1ST MANAGEMENT	-	-	1.269.000.000	1.269.000.000
Công ty BEAUTYMAKERS. Co., Ltd	577.727.640	577.727.640	-	-
Bà Mai Lệ Quyên	410.897.371	410.897.371	-	-
Công ty CP Tập đoàn đầu tư An Lạc	354.636.710	354.636.710	-	-
Công ty TNHH Truyền thông C13	288.144.000	288.144.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.221.640.113	4.221.640.113	2.826.351.183	2.826.351.183
Tổng	26.342.477.762	26.342.477.762	25.057.268.854	25.057.268.854

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

3.259.224



5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ VN	776.952.000	776.952.000	977.076.000	977.076.000
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	109.692.360	109.692.360	120.231.738	120.231.738
Công ty TNHH Phần mềm FPT	277.765.780	277.765.780	262.287.999	262.287.999
Công ty TNHH Truyền thông đa phương tiện DIGIMOVE	813.537.836	813.537.836	25.887.031	25.887.031
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	242.608.829	242.608.829	127.431.547	127.431.547
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	1.528.740.000	1.528.740.000	43.200.000	43.200.000
Công ty CP Bệnh viện mắt Ánh Sáng	50.000.000	50.000.000	388.800.000	388.800.000
Công ty N&VBridge Co., Ltd	-	-	326.960.000	326.960.000
Công ty TNHH TCIE Việt Nam	-	-	204.822.000	204.822.000
Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc	1.465.344.000	1.465.344.000	-	-
Công ty cổ phần Viện mắt Quốc tế Việt - Nga	108.000.000	108.000.000	54.000.000	54.000.000
Công ty TNHH SUNDAY NATURAL Việt Nam	916.716.960	916.716.960	-	-
Công ty TNHH Vẻ đẹp FRANCIA	-	-	177.162.000	177.162.000
Công ty CP CON CƯỜNG	-	-	115.740.500	115.740.500
Các khách hàng khác	8.188.994.270	8.188.994.270	5.005.734.747	5.005.734.747
Tổng	14.478.352.035	14.478.352.035	7.829.333.562	7.829.333.562

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	30/06/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.221.536.401	8.917.737.306	(11.070.215.748)	3.069.057.959
Thuế xuất, nhập khẩu	-	28.513.296	(28.513.296)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.787.783.393	2.720.017.653	(5.596.124.327)	1.911.676.719
Thuế thu nhập cá nhân	1.298.636.911	1.570.005.849	(2.198.687.054)	669.955.706
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.879.499.886	2.685.229.279	(3.003.845.845)	1.560.883.320
Tổng	13.187.456.591	15.921.503.383	(21.897.386.270)	7.211.573.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.17 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.414.143	-
Thuế thu nhập cá nhân	256.389.908	536.914.621
Tổng	260.804.051	536.914.621

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	18.208.269	29.178.061
Chi phí thuê văn phòng	1.013.449.114	913.202.892
Chi phí thuê ngoài của các dự án	2.073.657.285	3.919.687.436
Tổng	3.105.314.668	4.862.068.389

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	322.290.126	322.290.126	382.950.126	382.950.126
Bảo hiểm xã hội	68.034.000	68.034.000	-	-
Bảo hiểm y tế	12.006.000	12.006.000	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.336.000	5.336.000	-	-
Các khoản phải trả khác	470.044.472	470.044.472	465.935.014	465.935.014
+ <i>Phải trả Lê Anh Quân</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>
+ <i>Phải trả Công ty Dược Bình Định</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>102.468.996</i>	<i>102.468.996</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>144.658.972</i>	<i>144.658.972</i>	<i>38.080.518</i>	<i>38.080.518</i>
Nhận kỹ quỹ, ký cược	74.693.235	74.693.235	74.693.235	74.693.235
Tổng	952.403.833	952.403.833	923.578.375	923.578.375

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2024 (VND)		Trong kỳ		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	35.570.838.558	35.570.838.558	84.264.945.200	(90.276.333.687)	41.582.227.045	41.582.227.045
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (i)	35.570.838.558	35.570.838.558	84.264.945.200	(90.276.333.687)	41.582.227.045	41.582.227.045
Dư nợ tín dụng	5.262.172.002	5.262.172.002	32.873.003.679	(32.336.851.010)	4.726.019.333	4.726.019.333
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	4.502.871.652	4.502.871.652	25.422.267.543	(24.730.213.917)	3.810.818.026	3.810.818.026
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Nam Đồng (iii)	-	-	1.504.714.485	(1.822.803.740)	318.089.255	318.089.255
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	759.300.350	759.300.350	5.946.021.651	(5.783.833.353)	597.112.052	597.112.052
Tổng	40.833.010.560	40.833.010.560	117.137.948.879	(122.613.184.697)	46.308.246.378	46.308.246.378

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐCTD/23071 ngày 05/7/2023, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng (hạn mức thế tin dụng là 15 tỷ đồng), thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 05/07/2023 đến 04/07/2024). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,6% - 5,3%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/06/2024 là 1.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.21 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu
trừ

Tổng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
	20%	20%
	3.356.914.514	2.940.129.836
	3.356.914.514	2.940.129.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.22 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	213.805.210.000	34.940.000	26.463.906.385	(515.852.328)	84.936.384.267	324.724.588.323	
Tăng khác	-	-	1.553.369	-	-	1.553.369	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	2.163.189.678	-	20.079.255.645	22.242.445.323	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	92.790.206	-	92.790.206	
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(892.359.287)	-	-	(892.359.287)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	213.805.210.000	34.940.000	27.736.290.145	(423.062.122)	105.015.639.912	346.169.017.935	
Lãi trong kỳ này	-	-	1.306.736.104	-	7.425.476.244	8.732.212.348	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(963.794.947)	-	(963.794.947)	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(645.204.668)	-	-	(645.204.668)	
Giảm khác	-	-	-	-	(32.753.742)	(32.753.742)	
Số dư cuối kỳ này	213.805.210.000	34.940.000	28.397.821.581	(1.386.857.069)	112.408.362.414	353.259.476.926	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd (tên cũ là YELLOW DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD)	82.859.430.000	82.859.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	71.117.430.000
Tổng	213.805.210.000	213.805.210.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.23 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2024	01/01/2024
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.837.738.944	3.067.208.816
Trên 01 năm đến 05 năm	3.968.370.693	3.592.453.924
Tổng	6.806.109.637	6.659.662.740

Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	9.575,92	97.012,83

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	59.119.040	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	192.367.988.757	180.921.406.669
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	10.050.000.000	-
Tổng	202.477.107.797	180.921.406.669
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	1.359.354.573	2.415.475.521

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	22.095.191	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	161.008.981.923	151.495.409.529
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	9.995.748.705	-
Tổng	171.026.825.819	151.495.409.529

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	8.990.684.347	9.321.525.309
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	102.002.542
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	300.650.426	12.420.410
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng	9.291.334.773	9.435.948.261

6.4 Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	690.219.015	1.065.409.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	246.404.231	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	363.357.918
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	936.623.246	1.428.767.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.853.195.098	8.417.570.548
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.689.983	125.212.314
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	678.385.603	799.391.380
Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(79.045.956)	-
Thuế, phí và lệ phí	224.735.292	242.334.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.032.449.056	4.707.769.619
Chi phí khác bằng tiền	708.660.053	1.505.960.275
Tổng	12.549.069.129	15.798.238.626
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	13.718.665.785	12.087.837.692
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.233.047	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.331.162	98.301.160
Chi phí khác bằng tiền	117.386.562	35.213.583
Tổng	14.629.616.556	12.221.352.435

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Thu nhập khác	89.222.907	44.604.016
- Xử lý số dư công nợ	-	102.020
- Các khoản khác	89.222.907	44.501.996
Chi phí khác	1.093.998.768	664.609.234
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	316.683.836	269.943.834
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	6.130.365	21.270.557
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	92.940.000
- Phạt vi phạm hợp đồng	94.582.889	42.842.000
- Các khoản khác	676.601.678	237.612.843
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(1.004.775.861)	(620.005.218)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.923.030	125.212.314
Chi phí nhân công	25.432.990.683	30.959.907.720
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	995.069.439	1.126.446.044
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(79.045.956)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.938.328.669	143.490.704.007
Chi phí khác bằng tiền	3.074.613.336	3.812.730.505
Tổng	191.506.879.201	179.515.000.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**6.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.720.017.653	2.679.730.726
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	-	22.370.217
Tổng	2.720.017.653	2.702.100.943

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	416.784.677	(13.051.177)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.083.923.387	(65.255.883)
Tổng	416.784.677	(13.051.177)

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.425.476.244	5.257.815.278
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.425.476.244	5.257.815.278
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	21.380.521	21.380.521
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	347	246

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 250 m² văn phòng tại Khu thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ (Tòa nhà Orchard Garden) tại số 128 đường Hồng Hà, phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê quy định cụ thể cho từng giai đoạn trong hợp đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01/12/2023.

- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023.

- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.

- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023.

- Tiền thuê 145,45 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/12/2023.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2024, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN (*)	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty FSN Asia Private Ltd	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và dịch vụ chuyển phát nhanh Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(*): Công ty cổ phần TECHCEN đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội vào ngày 13/05/2024.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Tiền lương và phụ cấp	1.759.679.222	1.956.882.979
Tổng	1.759.679.222	1.956.882.979

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch	310.000.000	310.000.000
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	551.130.000	148.982.979
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	291.446.855	338.000.000
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	360.000.000
Ông Trần Đông Âu	Thành viên	-	-
Ông Lee SangSeok	Thành viên	-	-
Ông Trần Anh Nam	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên	-	-
Tổng		1.152.576.855	1.156.982.979

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	260.000.000
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	242.707.827	179.300.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	364.394.540	360.600.000
Tổng		607.102.367	799.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**a. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2023 VND
Bán hàng hóa dịch vụ				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.275.687.769	1.317.259.939
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	83.666.804	1.096.757.405
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.458.177
Tổng			1.359.354.573	2.415.475.521
Mua hàng hóa dịch vụ				
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	22.814.247	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	-	29.213.879.040
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	-	27.400.000.000
Phải thu khác				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền chuyển nhượng trái phiếu	-	20.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Hoàn ứng	-	3.800.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Hoàn ứng	-	2.500.000.000

b. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	73.756.069	1.181.151.932
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	-	-
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	13.633.617	450.061.000
Phải trả nhà cung cấp			
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	3.259.224	-
		3.259.224	-

7.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	192.427.107.797	10.050.000.000	-	202.477.107.797
Tổng doanh thu thuần	192.427.107.797	10.050.000.000	-	202.477.107.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Chỉ phí kinh doanh	188.209.762.799	9.995.748.705	-	198.205.511.504
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	161.031.077.114	9.995.748.705	-	171.026.825.819
- Chi phí bán hàng	14.629.616.556	-	-	14.629.616.556
- Chi phí QLDN	12.549.069.129	-	-	12.549.069.129
Kết quả HĐKD	4.217.344.998	54.251.295	-	4.271.596.293
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	8.602.194.246	8.602.194.246
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.004.775.861)	(1.004.775.861)
LN/(lỗ) trước thuế	4.217.344.998	54.251.295	7.597.418.385	11.869.014.678
Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Tài sản				
tiền	35.067.892.701	-	-	35.067.892.701
Các khoản đầu tư tài chính	11.899.490.624	-	252.545.875.099	264.445.365.723
Các khoản phải thu	61.572.027.828	-	2.457.131.494	64.029.159.322
Hàng tồn kho	12.449.597.375	-	-	12.449.597.375
Tài sản khác	1.233.998.853	-	-	1.233.998.853
Tài sản cố định	9.858.069.671	-	-	9.858.069.671
Bất động sản đầu tư	-	64.821.639.820	-	64.821.639.820
Tổng tài sản	132.081.077.051	64.821.639.820	255.003.006.593	451.905.723.464
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	94.878.434.654	410.897.371	-	95.289.332.025
Nợ dài hạn	3.356.914.514	-	-	3.356.914.514
Tổng nợ phải trả	98.235.349.168	410.897.371	-	98.646.246.539

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ngày 08/07/2024, Công ty đã có Nghị quyết số 07/2024/NQ/HĐQT.ADG của Hội đồng quản trị về việc đầu tư vào các công ty với các nội dung sau: Góp vốn vào Công ty cổ phần Adela Building với tổng số vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng và sở hữu 12% vốn điều lệ tại công ty nêu trên; Góp vốn thành lập công ty con là Công ty cổ phần Địa ốc Thông minh với số vốn góp là 28.000.000.000 đồng và sở hữu 65,041% vốn điều lệ tại công ty con nêu trên.

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



NGUYỄN THỊ NGA
Người lập



NGUYỄN THỊ NGA
Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc